**TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH KHOA CHÚ**

***Hòa Thượng Thượng Tịnh Hạ Không chủ giảng***

***Năm 2014***

# **TẬP 55**

*Các vị pháp sư*, *các vị đồng tu*, *xin mời ngồi*!

Mời mọi người cùng tôi quy y Tam Bảo:

“***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***”.

Mời xem “**Đại Kinh Khoa Chú**” trang 250, chú thích của Bổn kinh: “**Trong năm bản dịch**”, có năm loại. kinh Vô Lượng Thọ, thực tế các bản Chú giải xuất hiện ở các triều đại cũng không nhiều, chỉ có bản Ngụy dịch của Khang Tăng Khải, vào thời Tào-Ngụy. Quyển này dịch rất tốt, ngôn từ nghĩa lý nếu so sánh với năm loại bản khác, thì quyển của ông là đầy đủ nhất. Do đó, thời xưa người học tập kinh Vô Lượng Thọ đều sử dụng quyển sách này, quyển này được lưu thông rất rộng. Ở Hải ngoại cũng như vậy, ở Nhật Bản, Hàn Quốc chuyên dịch quyển này, toàn bộ đều là bản của Khang Tăng Khải. Vì vậy “**Các chú sớ Đại Kinh**, **phần nhiều dùng bản Ngụy dịch**, **các bậc đại đức Trung Quốc nhiều bậc soạn Chú giải cho Tiểu bổn Di Đà**; **còn Chú giải Đại bổn chỉ có hai vị Tịnh Ảnh đời Tùy**, **và Gia Tường đời Đường**”, chỉ có hai loại này. Chú giải của kinh A Di Đà thì nhiều hơn, thực tế bởi do kinh Vô Lượng Thọ vẫn chưa có Thiện bổn. Do đó, quyển sách này được lưu thông không rộng lắm, người Chú giải chỉ có hai vị.

Bên dưới chúng ta có thể thấy loại thứ nhất “Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ”, sáu quyển, do Sa môn Huệ Viễn chùa Tịnh Ảnh ở Kinh đô đời Tùy soạn. Thông thường chúng ta gọi là “Tịnh Ảnh Sớ”, Tịnh Ảnh là tên gọi của một ngôi chùa. Do mọi người cung kính với pháp sư, không gọi tên cũng không gọi tên tự; nên dùng nơi mà Ngài cư trú, hoặc ngôi chùa mà Ngài ở để xưng hô với Ngài. Đại sư Tịnh Ảnh, tức chùa Tịnh Ảnh, đức hiệu của Ngài hoàn toàn giống với Sơ Tổ của chúng ta, tổ sư đời đầu tiên của Tịnh Độ Tông là đại sư Huệ Viễn đời Đông Tấn. Thế là trong nhà Phật gọi ngài là Tiểu Huệ Viễn, còn Sơ Tổ đời Đông Tấn gọi là đại Huệ Viễn, cứ như vậy mà phân biệt. Nếu không thì không biết được ai là ai, vì không cùng một người, nhưng tên gọi thì hoàn toàn giống nhau. Đây là bản do đại sư Tiểu Huệ Viễn soạn.

Loại thứ hai tên gọi giống nhau, cũng gọi là “Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ”, do ngài Cát Tạng ở chùa Gia Tường đời Đường soạn; thông thường gọi là “Gia Tường Sớ”. Người Trung Quốc Chú giải kinh Vô Lượng Thọ chỉ có hai loại: “Gia Tường” do đại sư Cát Tạng trước tác, “Tịnh Ảnh” do ngài Tiểu Huệ Viễn trước tác. “Hựu Tân La Quốc”, Hàn Quốc, Chú giải của hai vị Cảnh Hưng và Nguyên Hiểu, cũng được lưu truyền ở Trung Quốc.

Từ xưa đến nay, Hàn Quốc hoàn toàn dùng Hán văn của Trung Quốc, tức là dùng văn ngôn văn. Mãi cho đến sau chiến tranh thế giới lần hai, khi Hàn Quốc thoát khỏi Nhật Bản, thế là họ bèn thay đổi chữ viết. Điều này nói ra thực chất vô cùng đáng tiếc! Nếu họ không thay đổi văn tự, vẫn tiếp tục kế thừa 5.000 năm văn hóa của Trung Quốc, vậy thì công đức không kể xiết. Vừa chuyển ngữ lại, liền lệch khỏi ý nghĩa của văn tự cổ của Trung Quốc. Cho nên người Hàn Quốc hiện nay, không cách gì đọc được văn ngôn văn của Trung Quốc. Cần phải có người đem nó dịch thành tiếng hàn. Về mặt văn hóa lịch sử, đây là một sự đáng tiếc rất lớn. Nếu như không chuyển ngữ, nó có thể ảnh hưởng đến toàn Thế giới.

Nền văn minh 5.000 năm của Trung Quốc là trí huệ, lý niệm, phương pháp, kinh nghiệm và thành tựu của cổ thánh tiên hiền. Toàn bộ đều được người Hàn Quốc kế thừa, như vậy thì còn phải nói sao. Nên nói thẳng ra, bởi do nhân loại của toàn Thế giới không có phước báu. Đương nhiên, bản thân người Trung Quốc có tư cách kế thừa, thì Nhật Bản và Hàn Quốc cũng có tư cách kế thừa. Đi sản văn hóa của họ, là văn ngôn văn Hán ngữ của Trung Quốc, đây là Trân bảo của loài người. Đáng lý không nên phân biệt của anh hay của tôi, chẳng thuộc về một dân tộc, một quốc gia nào; mà thuộc về tất cả chúng sanh trên trái đất, ai ai cũng có phần. Đây là do Lão tổ tông vào thời xưa để lại.

Hai loại này, loại thứ nhất “**Vô** **Lượng Thọ kinh nghĩa thuật văn tán**”, ba quyển, do ngài Cảnh Hưng nước Tân La trước tác, chúng ta gọi là “Cảnh Hưng Sớ”. Loại thứ hai “**Vô** **Lượng Thọ kinh Tông yếu**”, một quyển, do Sa môn Nguyên Hiểu thuộc chùa Hoàng Long nước Tân La soạn; Ngài từng đến triều Đường du học. Sau khi về nước, “***Danh tiếng vang dội chốn Hải Đông***”; người Trung Quốc gọi Hải Đông, chính là Hàn Quốc hiện nay. Sớ Giải của Ngài cũng gọi là “Hải Đông Sớ”. Còn có một loại là “**Du Tâm An Lạc Đạo**” một quyển, do ngài Nguyên Hiểu soạn. Trong này đều có liên quan đến Tịnh Độ, giới thiệu pháp môn niệm Phật.

“**Quang minh của Đại Kinh chiếu rực Nhật Bản**; **chú thích rất thịnh**, **vượt xa Trung Hoa**; **riêng bút giả được biết đến**”, ý nói đến lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Ngài biết đến hơn 20 loại, chỗ này có viết ra cho chúng ta tổng cộng 22 loại. 22 loại này, tôi nghĩ chúng ta cũng không cần thiết phải đọc nó, trên kinh đều có, mọi người xem thấy sẽ biết ngay.

Phía sau “**Chú thích những bản hội hiệu của Đại Kinh**, **gồm có năm loại**”. Năm loại này, loại đầu tiên “**Vô** **Lượng Thọ kinh Khởi Tín Luận**”, ba quyển, do cư sĩ Bành Tế Thanh trước tác. Bản này thuộc vào thời vua Càn Long đời nhà Thanh. Loại thứ hai “**Vô Lượng Thọ kinh Tiên Chú**”, do cư sĩ Đinh Phước Bảo soạn vào cuối triều Thanh. Loại thứ ba “**Phật thuyết Ma Ha A Di Đà Kinh Trung Luận**”, do Chánh Định Vương Canh Tâm soạn, dưới đời Quang Tự nhà Thanh. “Chú” chính là bản Hội tập của Ngụy Mặc Thâm. Loại thứ tư “**Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh Mi Chú**”, do lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam thời Dân Quốc soạn. Quyển sách này chúng tôi có in ra, hiện nay đang được lưu thông ở Hải ngoại, có lẽ lên đến mấy chục ngàn quyển. Một loại sau cùng “**Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác kinh**”, có bốn quyển, do lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ Chú giải vào thời Dân Quốc.

Chúng ta xem trang 252, đếm ngược dòng thứ ba “**Ngoài ra**, **vào cuối đời Thanh**, **cư sĩ Thẩm Thiện Đăng**; **soạn Báo Ân Luận**, **ba quyển**; **trong đó có các phần Tịnh Độ pháp môn Cương Tông**, **Vô Lượng Thọ kinh Cương Tông**, **Vãng sanh Chánh Nhân Luận**,**v**.**v**...”, đây không phải Chú giải của toàn kinh, mà là một đoạn quan trọng trong chú kinh. Hiện nay chúng ta xem thấy Chú giải có rất nhiều loại, đều có thể hỗ trợ chúng ta học tập. Phần này, chúng ta chỉ học đến đây.

Đoạn thứ chín trong phần Khái Yếu bên dưới “Tổng thích Cương đề”, chúng ta lật sang trang 254 của bộ kinh, xem từ hàng đầu tiên: “**Phàm** **danh đề của kinh**, **đều nhằm hiển lộ trực tiếp yếu chỉ của kinh**”. Tất cả kinh điển được Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết trong 49 năm, đề kinh là do chính Phật thuyết ra. Cũng có một số bản kinh, đề kinh do người phiên dịch viết vào; nhưng đề kinh được Phật thuyết trong bản kinh, phần lớn đều dùng đến trong lúc phiên dịch; chỉ có một số ít bị người phiên dịch sửa đổi. Rõ ràng nhất chính là kinh A Di Đà, được đại sư Cưu Ma La Thập phiên dịch. Ngài không dùng đến đề kinh do Phật thuyết, bản thân Ngài viết nó thành “**Phật thuyết A Di Đà kinh**”, kiểu dịch này rất hay, vì sao vậy? pháp môn Tịnh Tông trực tiếp dạy chúng ta xưng danh niệm Phật. Ngài bèn lấy danh hiệu Phật làm thành đề kinh, trực tiếp hiển thị Tông yếu của bộ kinh này. Bản này người Trung Quốc vô cùng yêu thích. Đại sư La Thập sống ở Trung Quốc một thời gian dài, Ngài vô cùng thấu hiểu, lối sống và sở thích của người Trung Quốc. Nên những thứ Ngài phiên dịch khế cơ, khế lý, được người Trung Quốc tiếp nhận một cách nồng hậu.

Thời xưa có ngài An Thế Cao, đại sư La Thập xuất hiện sau ngài An Thế Cao. Cho nên, Ngài nghĩ: “**Hay là trực tiếp hiển thị**; **yếu chỉ cùng với Tông chỉ của bộ kinh này**”. Trong Tông chỉ, phần quan trọng nhất là “Tông”, thực tế nó chứa đựng ý nghĩa “**Chủ yếu và trọng yếu**, **khiến cho người học nhờ tên kinh mà hiểu được thể**”, xem thấy tên gọi của kinh. Trong kinh nói đến cái gì, đại khái có thể lý giải được “**Một** **phen xem qua tên kinh hiểu ngay được đôi chút đại ý kinh**; **vì vậy**, **tông Thiên Thai chú thích kinh trước hết phải giải thích tên kinh**”. Vừa khởi giảng bộ kinh này, nhất định phải giảng tên kinh trước tiên.

“Năm bản dịch gốc của Đại Kinh đều có tên riêng; tiết bản của ông Bành”, tức bản Tiết Hiệu của Bành Tế Thanh. “**Và hội bản của ông Ngụy**”, tức bản Hội tập của Ngụy Mặc Thâm. “**Đều đặt tên là Vô Lượng Thọ kinh**; **giống như bản Ngụy dịch**”, đều dùng tên kinh là “Vô Lượng Thọ kinh”. Thế nói đến kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ có ba loại, rốt cuộc là ám chỉ loại nào? “**Ba bản khác nhau mang cùng một tên dễ gây nhầm lẫn**”, không biết được đang chỉ cho phiên bản nào? Thật sự có xảy ra vấn đề này. “**Ông Vương Chánh Định lại đổi tên hội bản của ông Ngụy thành Ma Ha A Di Đà kinh**”, hai chữ “Ma Ha” này cũng không có căn cứ, là do ông Vương tự mình đổi lấy. Tiếp theo có giới thiệu cho chúng ta “Khảo”, nghĩa là khảo chứng.

“**12 bản dịch từ đời Hán đến đời Tống**; **dùng chữ Vô Lượng Thọ làm tên đã hết mười bản**; **dùng chữ ‘Thanh Tịnh**, **Bình Đẳng**, **Giác’ đặt tên có hai bản**; **dùng Chánh Giác để đặt tên có một bản**”. Đề kinh có ba chữ “Vô Lượng Thọ” là nhiều nhất, đến mười loại. “**Bản dịch đầu tiên là bản Hán dịch có tên**; **trong đó có một loại đề kinh**, **chúng ta đã thấy trước đây**”, đó là “**Vô** **Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác kinh**”. Bản dịch của triều Hán, bản dịch cuối cùng là bản của triều Tống, có tên “Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh”. Bạn xem, bản Hội tập của Hạ lão, ngay cả đề kinh cũng là hội tập, chân thật gọi là “hoàn hảo không tỳ vết”, Ngài hội tập quá xuất sắc.

“**Nay** **bản Hội tập này trực tiếp lấy đề kinh của bản Tống dịch**, **là Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh**”, bỏ đi chữ kinh ở phía cuối, “**Bỏ đi chữ kinh bị trùng lặp**, **từ đề kinh của bản Hán dịch**, **là Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác kinh**”, hai chữ “Vô Lượng” này bị lặp lại, có sự trùng lặp trên đề kinh, đề kinh trước cũng có. Nên bỏ hai chữ này đi, trở thành “Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác kinh”. “**Tự** **nhiên hay khéo**, **chẳng cần đẽo gọt**”, đẽo gọt ở chỗ này có nghĩa là chỉnh sửa, không cần phải sửa đổi thứ gì, vì mọi thứ đã hết sức tự nhiên. Chẳng cần thêm ý khác vào, chỉ cần xóa đi những gì bị trùng lặp. Trong bản Tống dịch, đề kinh có từ kinh bị lặp lại, nên bỏ đi từ “Kinh”. Còn trong bản Hán dịch thì có từ “Vô lượng”, hai từ “Vô lượng” này cũng bị bỏ đi. Bạn xem, thế là đề kinh được trọn vẹn rồi “Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác kinh”, quá tuyệt vời.

“**Nguyên danh của hai bản dịch gộp thành một tên**”, hợp thành một đề kinh như thế. “**Mười hai đề kinh đều gộp trong một tựa đề**”, trong đó có bao gồm cả bảy loại đã bị thất truyền. 12 đề kinh đều nằm gọn trong một đề kinh này, tất cả đều bao hàm trong đó, một cái cũng không bỏ sót. “**Ý chỉ lớn lao của toàn bộ kinh tự nhiên rọi trước mắt**”, Tông chỉ học tập của toàn kinh, đều được phô bày một cách rất rõ ràng, rành mạch. “**Yếu nghĩa của Tịnh Tông chứa trọn trong đề kinh**”, nghĩa lý tinh yếu nhất của Tịnh Độ Tông, đều nằm trong đề mục này. Đầu tiên thấy, kinh này là do Phật thuyết. Phần nửa đầu của đề kinh là “quả”, phần nửa sau là “Nhân”; “Đại Thừa” là trí huệ, trí huệ chân thật; “Vô Lượng Thọ” là đức năng. Trong hết thảy vạn đức, đức đứng hàng đầu chính là “Thọ mạng”. Nếu như không có thọ mạng, thảy đều vô ích. Vì thế, “Thọ mạng” là đức đầu tiên. “Vô Lượng Thọ”, thật sự là vô lượng, nó là vô lượng của vô lượng, chứ không phải vô lượng của cái hữu lượng. Ba đại a tăng kỳ kiếp là vô lượng trong hữu lượng, nó chỉ cho cái gì? Bồ Tát tu hành đến khi phá được vô minh, chứng Pháp Thân, đây mới được thành Phật. Tuy là thành Phật, nhưng vẫn chưa đạt đến cứu cánh viên mãn, vì sao vậy? Vì tập khí Vô thủy vô minh vẫn chưa đoạn được sạch sẽ.

Chúng ta trong kinh Đại Thừa thể hội được một cách sâu sắc, Phật, Bồ Tát là người đã làm được, nhưng ai nấy đều có tư cách. Người người đều có đầy đủ điều kiện, vấn đề chỉ là bạn có chịu làm hay không? Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác là sự tu chứng vốn dĩ đầy đủ viên mãn trong tự tánh của chúng ta. Không cần phải tìm kiếm từ bên ngoài, chỉ cần diệt trừ chướng ngại, mọi thứ liền trở thành hiện thực. Lời Phật nói là lời chân thật không hư dối, “**Tất cả chúng sanh vốn dĩ là Phật**”. Hay nói rõ thêm một chút với bạn, nghĩa là tất cả chúng sanh vốn dĩ là “A La Hán”, vốn dĩ là “Bích Chi Phật”, vốn dĩ là “Bồ Tát”, là “Phật Đà”. Lời này nếu còn nghe không hiểu, chúng tôi sẽ đổi thành những thứ thường được nghe ở trường, bạn sẽ hiểu ngay. Phật Đà, Bồ Tát, La Hán đều là danh xưng học vị của Phật giáo.

Giống như hiện nay bạn đi học vậy, tốt nghiệp Đại học là cử nhân, tốt nghiệp Viện nghiên cứu sẽ là thạc sĩ, tiến sĩ. Bạn vốn dĩ là cử nhân, vốn dĩ là thạc sĩ, là tiến sĩ. Bạn cố gắng học tập cho tốt, vượt qua được các bài thi là lấy được chứng chỉ ngay, đều chỉ do một mình bạn.

Trong nền giáo dục Phật Đà cũng như vậy, Phật nói rồi, bạn buông xả kiến tư phiền não, kiến tư phiền não chính là “chấp trước” được nói trong kinh Hoa Nghiêm. Bạn đối với hết thảy pháp, nếu sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần mà không chấp trước, bạn đạt được học vị đầu tiên là A La Hán. Bạn chứng đắc A La Hán, học vị Phật Đà còn dễ lấy hơn học vị của Đại học hiện nay. Đại học phải đọc rất nhiều sách, trải qua rất nhiều lần thi cử, đạt yêu cầu mới nhận được bằng. Phật Pháp không như vậy, buông xả liền chứng được. Bạn xem, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần; buông xả kiến tư phiền não, tức là buông xả chấp trước. “Kiến” là cách nhìn sai lầm, “Tư” là cách nghĩ sai lầm, chỉ cần “Có suy nghĩ” tức là sai, vì sao lại như vậy? Bởi vì tất cả pháp là không, là giả. Bất kể bạn nghĩ thế nào cũng đều sai cả, không được nghĩ.

“**Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng**”, nếu bạn thật sự liễu giải được chân tướng sự thật, hiểu được chân tướng sự thật gọi là “Nhìn thấu”. Bạn sẽ không còn nghĩ nữa, đó là công phu. Chẳng còn bất kỳ cách nhìn, cách nghĩ nào, đây chính là A La Hán. Hướng lên cao thêm một cấp, không những không chấp trước, ngay cả phân biệt cũng không có, không có phân biệt nghĩa là gì? Hết thảy vạn pháp của toàn thể vũ trụ cùng với chính mình là một thể, thật sự là một thể. Toàn là từ tự tánh lưu xuất ra, “Tự tánh” là một, từ tự tánh lưu xuất ra, mọi thứ đều là một thể. Người xưa dùng một ví dụ: dùng “vàng”, “vàng” có thể làm ra rất nhiều đồ vật, mọi thứ đều là “vàng”. Lấy “vàng” làm dụng cụ, tất cả đồ vật đều bằng “vàng”. Như vậy sẽ không có phân biệt, vì đó là gì? Là “vàng”, thứ này là “vàng”, thứ kia cũng là “vàng”, đều y như nhau.

Cho nên, chỉ cần kiến tánh, tánh ở chỗ nào? Tánh thể hiện từ trên tướng. Tùy tiện lấy một tướng, đây đều là tự tánh; tùy ý chọn một thứ, cũng toàn là tự tánh; không có thứ nào không phải “Minh tâm kiến tánh”, mọi thứ sẽ bình đẳng. Vì thế, kiến tánh tức là thấy được. Vạn pháp bình đẳng, vạn pháp nhất như. Khởi tâm động niệm là sai, tranh luận dài ngắn, tranh luận thị phi lại càng sai hơn. Do đó, không có phân biệt là Bồ Tát, bạn vốn dĩ là Bồ Tát, chỉ cần buông xả phân biệt, bạn liền thành Bồ Tát; buông xả chấp trước tức là A La Hán; buông xả khởi tâm động niệm bạn liền thành Phật. Cho nên Phật ở đâu, bạn từng thấy qua chưa? Bồ Tát ở chỗ nào, la hán ở nơi đâu, bạn từng nhìn thấy chưa? Thấy rồi, ngày ngày đều thấy.

Trước giờ, tôi chưa hề không thấy ai là không phải chính là bạn, chính là họ, không ai không phải, người người đều phải. Chỉ do hiện nay bạn chưa chịu buông xả, buông xả liền chứng được. Cho nên, so với việc đi học lấy được học vị trong trường học còn dễ dàng hơn. Việc thành Phật thật sự dễ, thật không khó; vấn đề ở chỗ chúng ta không chịu buông xuống. Như vậy sai rồi, không chịu buông xả tức là cam tâm làm phàm phu nơi sáu nẻo. Chẳng qua chỉ là sự việc như vậy mà thôi, không cam tâm làm phàm phu cõi Lục đạo, tôi muốn thành Phật; buông xả liền thành Phật.

Lão Hòa thượng Hải Hiền chùa Phật Lai, cái gì Ngài cũng đều buông xả, nên Ngài thành Phật rồi. Bạn xem, cách Ngài nhìn mọi người, cách Ngài nhìn mọi việc, đều luôn hoan hỷ; chẳng có phân biệt cũng không chấp trước. Trước giờ chưa hề nói, bất kỳ người nào là người tốt hay người xấu, Ngài không có phân biệt. Tức là nhìn thấy ai cũng đều là người tốt, thấy chuyện nào cũng là chuyện tốt, vì sao vậy? Vì Ngài đã không còn phân biệt với chấp trước, trong tâm của Ngài có cái gì? Chỉ có một đức Phật là A Di Đà Phật. Ngoại trừ A Di Đà Phật ra, cái gì cũng không có. Người như vậy gọi là người niệm Phật chân chính. Nếu Phật gặp được một người như vậy, người có căn cơ như thế, Phật sẽ chỉ dạy họ một câu “Nam mô A Di Đà Phật”; cứ một mực mà niệm, Tịnh Độ Tông như vậy là trọn vẹn rồi. Cần gì phải thuyết nhiều kinh luận, nói nhiều lời vô nghĩa đến thế! Không cần thiết. Người như vậy gọi là gì? Là bậc thượng thượng căn, còn cần đến quá nhiều kinh điển, quá nhiều Chú giải. Những chuyện thừa thãi như vậy, là dành cho những người nào? Là nói cho người hạ hạ căn. Nếu bạn không nói rõ ràng họ sẽ không hiểu, không thể tin tưởng, đồng nghĩa họ không thể phát nguyện.

Giảng giải một cách rành mạch, tường tận; họ nghe hiểu rồi, tin tưởng rồi, họ mới phát nguyện cầu sanh. Mục đích Thế Tôn xuất hiện tại thế gian, giảng kinh dạy học liền đạt được. Nếu người có căn tánh như vậy, họ nghe giảng kinh cả một đời, thậm chí còn giảng được, giảng rất rõ ràng hợp lý. Chẳng kém gì bạn, nếu họ không có lòng tin. Vẫn còn tham luyến thế giới này, chưa buông xả tài sắc danh lợi, vậy coi như A Di Đà Phật giảng uổng công rồi, Phật Thích Ca Mâu Ni cũng uổng công rồi. Thực tế, tuyệt không có chuyện uổng phí. Trong A lại da thức của họ, đã được trồng xuống chủng tử Phật Pháp. Nhưng đời này của họ không thể chín muồi. Đời này, sau khi chết đi vẫn phải trở về sáu nẻo luân hồi.

Chân thật nghe hiểu, có thể tin, có thể nguyện, có thể niệm Phật cầu sanh; như thế mới không uổng công nói: “*Người như vậy thảy đều gọi là người đương cơ*”. Như thế, Phật liền nói với bạn, vì đời này của bạn sẽ thành tựu. Phật nói ra, bất kể bạn có thích nghe hay không, chẳng luận bạn có tin hay không, Phật cũng nói. Từ bi, thương yêu đến cực độ! Đời này của bạn không có thiện căn, Ngài giúp bạn trồng thiện căn. Nếu bạn có thiện căn, Phật sẽ giúp bạn tăng trưởng thiện căn đó. Người có thiện căn tăng trưởng, Phật sẽ giúp cho thiện căn của bạn được chín muồi. Người có thiện căn chín muồi, một câu “A Di Đà Phật” niệm đến cùng. Kiểu người giống như ngài Hải Hiền, một đời là có thể thành tựu viên mãn.

Pháp sư Ấn Chí-chùa Phật Lai, mong tôi trong lúc giảng kinh hãy tuyên bố với mọi người một chuyện. Thứ nhất, chùa Phật Lai vì để kế thừa một cách triệt để gia phong của Hải Hiền lão Hòa thượng: sau này không ai được ngủ lại chùa, tức là cái miếu nhỏ này; không đón tiếp người xuất gia hoặc người tại gia; không đón tiếp người đến nơi đó ngủ lại một đêm hay hai đêm. Về điểm này hy vọng đồng học chúng ta nhớ kỹ, đến nơi đó thăm viếng có thể được, đừng nên làm phiền họ.

Thứ hai, nếu có đến chùa để chiêm ngưỡng thánh tích, xem thử tháp của lão Hòa thượng, hay xem nhục thân của pháp sư Hải Khánh, Tự viện hoan hỷ, nhưng họ sẽ không tiếp nhận cúng dường tiền bạc. Cái miếu nhỏ này sẽ tự duy trì truyền thống của mình: tự mình trồng trọt duy trì nguồn lương thực của họ, đây là truyền thống được hun đúc bởi sự lao động suốt 92 năm của lão Hòa thượng Hải Hiền. Hy vọng gia phong này được gìn giữ, điều này rất khó được, chân thật là nông-tịnh song tu.

Thứ ba, nếu có phát tâm in đĩa, hoặc giả là ấn tặng kinh sách, thầy ấy nói: “*Hãy tự mình làm lấy là được, đừng gửi tiền đến chùa, đừng quấy rầy đến người xuất gia của chùa Phật Lai*”. Cái miếu nhỏ này, người xuất gia không nhiều, hãy để họ một lòng niệm Phật; không có chuyện gì khiến họ phải bận lòng. Việc thứ ba, thuận tiện, ở đây muốn tuyên bố với các vị: chúng ta có lòng tốt muốn giúp đỡ họ, đạo phong của chùa Phật Lai chính là một câu “A Di Đà Phật” niệm đến cùng. Những chuyện khác không cần phải tranh luận, người khác tranh luận là chuyện của họ. Hiện nay là thời dân chủ tự do mở cửa, tự do ngôn luận, tự do xuất bản; chúng ta không có quyền can thiệp. Họ tranh ta không tranh, họ phê bình ta không phê bình; chúng ta thấy người thì cung kính tán thán. “Nếu muốn Phật Pháp hưng, chỉ có Tăng khen Tăng”, ca ngợi lẫn nhau Phật Pháp liền hưng vượng. Tuyệt đối không tham gia vào các cuộc tranh luận. Hy vọng đồng học chúng ta bắt đầu làm từ chính mình, ta không cần cầu đến người khác. Bản thân mình nên làm như vậy, thế mới đúng!

Chúng ta xem tiếp Chú giải bên dưới của Hoàng Niệm lão: “**Yếu nghĩa của Tịnh Tông chứa trọn trong đề kinh**; **Nhân Pháp Dụ**, **giáo lý hạnh**, **thể tướng dụng**,**v**.**v**... **Cùng hiện rõ trong một cái tên**”, tên của đề kinh đã hiển thị ra tất cả. “**Như** **hạt châu trong lưới Đế Thích thâu nhiếp trọn vẹn hết thảy pháp màu**; **do đây**, **có thể thấy được đôi phần chỗ hay khéo của hội bản này**”, ngay trên đề kinh là đã có thể thấy được, việc hội tập thật quá tuyệt diệu. Ngay cả đề kinh cũng là hội tập mà nên, so với người xưa không thể không nói là cao minh được. Tên kinh do người xưa tự nghĩ ra, không có căn cứ, là do tự mình đặt ra. Còn đề kinh của Hạ lão không phải do Ngài sáng tác, không phải thế, là do hội tập mà có; do lấy trong 12 đề kinh của bản Hán dịch hội tập mà thành. Tên kinh này quả thật đều bao gồm trọn vẹn 12 đề kinh ở trong đó, quá tuyệt diệu! Rất tự nhiên, một chút kiểu cách cũng không có, bản Hội tập này rất tuyệt, đề kinh tuyệt mà kinh văn cũng rất tuyệt.

Phía sau, chữ đầu của tựa kinh là “**Phật**”, chữ “Phật” này được dịch từ âm tiếng Phạn của Ấn Độ, trong văn tự của Trung Quốc không có chữ này. Trong hệ văn tự cổ của Trung Quốc, không có chữ nhân đứng bên cạnh chữ “Phất”, đây là chữ cổ của Trung Quốc. “Phật Đà”, âm đọc thì giống nhau, nhưng chữ “Phật Đà” của Ấn Độ là người; cho nên lúc phiên dịch kinh Phật đã tạo ra không ít chữ mới. Chữ này xuất hiện lúc dịch kinh, thêm vào chữ nhân bên cạnh. Chữ “Phật” này là chỉ cho người, Ấn Độ gọi là “Phật”, Trung Quốc gọi là “Thánh Nhân”, có nghĩa là “Giác giả”, tức là “Người giác ngộ”. Người giác ngộ ở Ấn Độ được gọi là “Phật”, giác ngộ có ba điều: “Tự giác, giác tha và giác mãn”, tự mình giác ngộ, đây không phải người thường.

Tự giác là A La Hán, Bích Chi Phật. Sau khi tự giác lại có thể giác tha, tức là giáo hóa chúng sanh, giúp cho người khác giác ngộ, đây là Bồ Tát. “Mãn” nghĩa là viên mãn “***Tự giác viên mãn, giác tha viên mãn***”. Người như vậy liền được gọi là “Phật”. Vì thế Phật, Bồ Tát, A La Hán đều là những bậc giác ngộ. Nhưng giác ngộ cũng có mức độ cạn sâu không giống nhau. Sự giác ngộ của đức Phật là sâu nhất, đạt đến cứu cánh viên mãn. Giác ngộ nhưng chưa đến mức viên mãn, gọi là Bồ Tát. Vừa mới giác ngộ, thì gọi là A La Hán, gọi là Bích Chi Phật, vì họ vẫn chưa phát Đại Tâm đi giáo hóa chúng sanh. “Đại Tâm” chính là “Tâm Bồ Đề”, Tâm Bồ Đề là tâm muốn giáo hóa chúng sanh.

Câu đầu tiên trong “Tứ Hoằng Thệ Nguyện” là: “**Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ**”. Phát cái “Tâm” này chính là Bồ Tát, đây gọi là tâm đại Bồ Đề. Chúng ta muốn độ chúng sanh, trước hết phải độ chính mình. Chưa độ được cho mình làm sao có thể độ người khác chứ! Nguyện thứ ba trong “Tứ Hoằng Thệ Nguyện”, là để thành tựu cho nguyện đầu tiên. Nguyện thứ nhất là phát Đại Tâm: “***Tôi muốn cứu độ hết thảy chúng sanh, tôi muốn giúp tất cả chúng sanh thành Phật***”. Bản thân mình không thành Phật, làm sao giúp mọi người! Bản thân mình làm thế nào thành Phật? Thành Phật có hai việc phải làm, thứ nhất là đoạn phiền não; kiến tư phiền não, tức là chấp trước; trần sa phiền não là phân biệt; vô minh phiền não là khởi tâm động niệm.

“**Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn**”, trước hết phải đoạn kiến tư, đây là phần thô nhất, rõ ràng nhất. Chính là cách nhìn sai lầm của chúng ta, suy nghĩ cũng sai rồi! Tư phiền não là suy nghĩ sai, kiến phiền não là cách nhìn sai. Đem cách nhìn, cách nghĩ sai lầm sửa đổi lại gọi là tu hành, “Tu” nghĩa là tu sửa lại cho đúng. Sau khi sửa đổi hai loại nhận thức này, người này gọi là A La Hán, tức Thánh Nhân thuộc hàng Tiểu Thừa.

Bây giờ chúng ta lược thuật một chút: Giai đoạn đầu tiên, Tiểu Thừa gọi là Sơ quả; hướng lên trên là Nhị quả, Tam quả và Tứ quả. Tứ quả mới là A La Hán, Sơ quả gọi là Tu Đà Hoàn, đều là tiếng Phạn. Tu Đà Hoàn có nghĩa là nhập môn, vừa mới nhập môn, tựa như vào lớp một của Tiểu học. Bấy giờ, bạn đích thực là đệ tử Phật. Chưa chứng được Tu Đà Hoàn, bạn vẫn là ở ngoài cửa mà thôi, chưa vào lớp một Tiểu học, vẫn đứng ngoài cửa; ngoài cửa là lớp mầm non, lớp mẫu giáo. Điều này chính mình nhất định phải hiểu cho rõ, cho tường tận. Sơ quả cần có điều kiện gì? Đầu tiên là phải buông bỏ thân kiến, “Thân” tức là thân thể, chúng ta đều chấp cái thân này là ta. Loại cách nhìn và suy nghĩ sai lầm này gây tổn hại rất lớn đối với chúng ta, vì sao vậy? Chúng ta vốn dĩ trú tại Thường Tịch Quang. Chính bởi vì cách nghĩ này, nên biến cõi Thường Tịch Quang trở thành sáu nẻo luân hồi. Chính mình cũng bị rớt vào cái vòng luân hồi đó, đã vô lượng kiếp đến nay không thoát ra được.

Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều là: “***Nghiệp luân hồi***”. Bạn tạo nghiệp luân hồi, nên quả báo chúng ta nhận lãnh chính là luân hồi khổ báo. Phật nói với chúng ta, không có vòng luân hồi này; trong tự tánh không có luân hồi, luân hồi hoàn toàn là hư ảo, giống như gặp phải cơn ác mộng vậy. Trong chân tâm của chúng ta, không có cảnh mộng. Chân tâm là thấu suốt, là giác; vọng tâm là mê hoặc, chân tâm là giác ngộ. Trong chân tâm không tồn tại sáu nẻo luân hồi, trong chân tâm cũng không có Thập Pháp giới. Vì thế, cả mười Pháp giới và Lục đạo đều chỉ là một giấc mộng. Sau khi tỉnh mộng, đến vết tích cũng tìm không thấy, tại sao? Vì căn bản nó không hề tồn tại, bạn đến đâu để tìm nó chứ? Vì lẽ đó, cái đầu tiên Phật dạy chúng ta chính là phải phá thân kiến, phá được thân kiến thì mọi thứ đều ổn. Vì sao vậy? Vì không còn tự tư tự lợi, bạn mới có thể dùng chân tâm. Đầu tiên là phá thân kiến, thứ hai là phá biên kiến. Biên nghĩa là hai bên, tức là đối lập. Ta cùng người đối lập, mình đối lập với người, đông trái ngược với tây, dài trái ngược với ngắn, lớn trái ngược với nhỏ. Đây chỉ cho cái gì? Phân biệt, chính do đây mà có, đây là kiến giải sai lầm.

Trong hết thảy pháp không hề tồn tại sự đối lập, đã không có đối lập, vì sao bạn cứ phải khởi lên ý nghĩ đối lập chứ! Vừa có sự đối lập liền sẽ có sự cạnh tranh, liền có cao thấp, liền có thắng thua. Như thế rắc rối sẽ đến ngay, không biết rằng đó chỉ là một giấc mộng mà thôi! Trong mộng chẳng luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên-ác duyên, toàn bộ chỉ như con số “Không”. Vì thế mới có thể bình đẳng được. Bạn không hiểu được cái lý của sự không bình đẳng này, không bình đẳng từ đâu mà có? Từ phân biệt mà có. Chúng ta bị ô nhiễm, đó là do chấp trước, chấp trước cùng với phân biệt một cách kiên cố, sai rồi! Vì thế cần phải buông xả biên kiến.

Phía sau còn có “**Phải buông xả thành kiến**”: Kiến thủ kiến, là thành kiến trên mặt “Quả”; giới thủ kiến là thành kiến trên mặt “Nhân”, nhân-quả cũng chẳng phải thật; nhưng nếu bạn chưa giác ngộ, chưa siêu việt Lục đạo luân hồi thì nó đúng là có thật. Cũng y như trong mộng, bạn chưa tỉnh mộng, sẽ cho rằng mộng là thật. Trong mộng quả thật có khổ có vui, sau khi tỉnh dậy mới biết rằng đó là giả, là “Không”. A La Hán là bậc đã giác ngộ, biết được cảnh giới này không phải thật, là giả.

“**Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng**. **Nhất thiết hữu vi pháp như mộng huyễn bào ảnh**”, A La Hán biết rõ ràng và tường tận. Vì thế họ không để những thứ đó vào trong tâm. Sơ quả Tiểu Thừa, thứ sau cùng cần phải phá là “Tà kiến”, cho nên tất cả kiến giải sai lầm họ đều không khởi lên; chỉ dùng một cách, đó là không sanh, một niệm cũng không sanh; chính là pháp môn niệm Phật của chúng ta. Phương pháp này tuyệt diệu đến cùng tột, đem tất cả ý niệm đều quy về A Di Đà Phật. Ý niệm không khởi thì thôi, vừa động niệm liền thành A Di Đà Phật. Ngoài A Di Đà Phật ra, cái gì cũng không có, đây gọi là gì? Là công phu thành phiến. Niệm Phật, niệm đến công phu thành phiến, bạn nhất định được vãng sanh.

Điều kiện vãng sanh Thế Giới Cực Lạc, bạn đã có đầy đủ trọn vẹn rồi. Lúc này khẳng định giống như lời Đại Thế Chí Bồ Tát nói: “**Hiện tiền thấy Phật**”. Công phu đạt đến cảnh giới này, Phật nhất định đến báo tin cho bạn; dùng thuật ngữ của Phật giáo nghĩa là “Thọ ký”. Thọ ký cho bạn tức là nói với bạn: “Thọ mạng của bạn còn được bao nhiêu, đợi đến lúc mạng chung Phật sẽ đến tiếp dẫn bạn”. Bạn có được sự bảo đảm của Phật, bạn sẽ rất hoan hỷ. Biết được, mình còn lưu lại thế gian này bao nhiêu năm nữa, biết rất rõ. Trong này có một số người, kiểu người này cũng không phải ít. Thấy được Phật rồi, Phật bảo với họ vẫn còn bao nhiêu thọ mạng, họ liền thưa với Phật:

- “*Con không cần thọ mạng nữa, bây giờ con đi ngay với Ngài*”.

- “*Được!*”.

 Phật rất từ bi, sẽ đồng ý với bạn, bảo rằng:

- “*Tốt! Bảy ngày sau ta đến đón con, hoặc ba ngày, hoặc mười ngày sau ta sẽ đến tiếp dẫn con*”.

Phật báo cho bạn thời gian, y chắc không sai. Đến lúc đó, Ngài thật đến đưa bạn đi. Chúng ta niệm đến công phu này, thấy được A Di Đà Phật đến, đừng bao giờ để cơ hội này luống qua; phải nên thỉnh cầu với Phật:

- “*Con muốn đi*”.

Trong chiếc đĩa của lão Hòa thượng Hải Hiền, mọi người cứ nghe cho kỹ càng. Chiếc đĩa này hiện nay có rất nhiều phiên bản khác nhau, tôi xem qua thấy có ít nhất ba bản khác nhau, đều có chỗ hay của nó. Tôi nghe thấy đích thân Ngài nói:

“*Tôi thấy được A Di Đà Phật*, *đã mấy lần tôi xin lão nhân gia cho tôi vãng sanh*; *xin Ngài mang tôi đến Thế Giới Cực Lạc nhưng lão Phật gia không đồng ý*; *nói tôi tu hành không tệ*, *bảo tôi ở lại thế gian này thêm vài năm để biểu pháp*, *làm tấm gương tốt cho mọi người xem*”.

Trong này chúng tôi đặc biệt chú ý, cũng đã mấy lần, Ngài không phải chỉ một lần thấy Phật, không chỉ xin Phật một lần. Tôi ước tính giúp Ngài, bởi vì “Thiện căn, phúc đức, nhân duyên” của Ngài không thể nghĩ bàn, Ngài có đầy đủ ba điều kiện này.

Thế nào là *thiện căn*? Là “Thật thà, nghe lời, thật làm”, đây là thiện căn; chẳng phải thứ mà người bình thường có, nhưng Ngài đều có đủ.

Thế nào là *phúc đức*? Nghĩa là chân thành. Nên biết rằng một người thật thà, chân thành, là người có phước báu, là người có phước báu sâu dày. Cung kính, đối người, đối sự, đối vật, đối việc, đối vật nghiêm túc đầy trách nhiệm, chính là “Cung kính”. Đối với người, chẳng luận là kẻ ác hay người thiện Ngài đều bình đẳng cung kính, người này có phước báu, đầy đủ thiện căn phước báu.

Về phần *nhân duyên*, đó là một cái miếu nhỏ ở vùng quê Nam Dương; cái nhân duyên này tốt, vì sao vậy? Vì đây là vùng quê nghèo hẻo lánh, không người chiếm đoạt, cũng chẳng ai muốn. Cái miếu này có cho người ta, người ta cũng không cần, người ta đều coi thường. Tâm của người chân thật tu hành liền được an ổn. Ở nơi này với người vô tranh, với đời vô cầu, cuộc sống hoàn toàn dựa vào trồng trọt. Ngài lại vô cùng cần mẫn, rất am hiểu đối với ngành nông. Từ nhỏ, Ngài đã học được cách thức làm nông, được học từ nhỏ; nên kiến thức về phương diện trồng trọt của Ngài vô cùng phong phú. Thu hoạch mùa màng cũng đủ nuôi thân rồi, không cần cầu người. Do đó, không cần người khác cúng dường, bạn nói xem tốt biết bao! Trong hoàn cảnh như thế lại gặp được thiện tri thức, lão sư của Ngài nhìn trúng Ngài rồi. Đây là đại căn khí, tương lai có thể thành Phật; nên chỉ đơn giản dạy Ngài một câu “Nam mô A Di Đà Phật”, cứ thế mà niệm tiếp tục.

Ngài thật nghe lời, đã niệm suốt 92 năm. 92 năm, cả một khoảng thời gian dài như vậy, Ngài thấy A Di Đà Phật được bao nhiêu lần? Vậy chúng ta thử nghĩ xem, đại sư Huệ Viễn là Sơ Tổ Tịnh Tông của chúng ta một đời thấy Phật bốn lần. Hiền Công lão Hòa thượng niệm Phật suốt 92 năm, theo ước tính của tôi, Ngài thấy Phật sẽ không ít hơn mười lần. Bạn xem, chính Ngài nói:

- “*Tôi mấy lần cầu Phật cho tôi đến Thế Giới Cực Lạc*, *nhưng Ngài không chịu*”.

Bạn xem trong này có tiết lộ một tin, không phải một lần, mà đến mấy lần. Mỗi lần gặp Phật, Ngài đều nói ra ước nguyện của mình, nhưng Phật vẫn không mang Ngài đi. Tôi tin tưởng, thọ mạng của Ngài không dài như thế; tuổi thọ của Ngài có lẽ khoảng bảy, tám mươi tuổi. Nhưng vì sao lại dài như vậy? Vì A Di Đà Phật đã kéo dài thọ mạng của Ngài ra, tại sao phải làm thế? Vì muốn Ngài biểu pháp, làm ra tấm gương cho cái thời đại này. Đây là thời kỳ mà cả trái đất đều động loạn, phải nên học Phật thế nào? Làm sao mới có được thành tựu? Làm giống như Ngài liền sẽ thành tựu.

Tôi phải nói cho thật rõ, chẳng luận là làm nghề gì, vĩnh viễn phải tuân giữ bổn phận của mình. Thu nhập của bạn chỉ cần dùng dủ cho cuộc sống là được rồi, đừng nên tham lam, đừng có tâm tham. Ta chỉ cần ăn được no, mặc được ấm, có một ngôi nhà nhỏ có thể che mưa tránh gió như thế đủ rồi, những thứ khác đều không cần. Tâm sẽ là định, sẽ không bị cảnh giới bên ngoài làm dao động.

Trong cái thế giới phù hoa này, chúng ta bị lây nhiễm từ chỗ nào? Từ phương tiện truyền thông. Bạn xem ở các đô thị, trên các con đường đầy dẫy quảng cáo, chính vì thế nên đã ô nhiễm bạn; đồng nghĩa bảo bạn phải khởi tâm động niệm. Các bản nhạc, rồi đến báo chí tạp chí, cho đến một số sách vở, chẳng có thứ nào là không dạy bạn sát đạo, dâm vọng; chẳng có thứ nào mà không dạy bạn tài sắc, danh lợi; dạy bạn đi tranh đoạt, dạy bạn đi tranh đấu; thậm chí còn dạy bạn chiến tranh; dạy bạn tạo nghiệp ba đường ác, nơi sáu nẻo. Gây nghiệp Địa ngục, chính là bảo bạn làm những thứ này. Nếu chúng ta là người chân thật học Phật, niệm Phật, phải nhất loạt cự tuyệt những thứ này. Tôi tuyệt đối không tiếp xúc đến, người niệm Phật như chúng tôi đã không còn xem báo chí, ti vi nữa. Ti vi của chúng tôi chỉ dùng để chiếu video, chỉ phát băng giảng kinh, niệm Phật.

Nếu đối với kinh giáo vẫn còn hoài nghi, tín tâm lại chưa kiên định, hãy nghe kinh. Nếu như tín tâm đã vững chắc rồi, không còn nghi ngờ nữa, kinh có thể không cần nghe, cứ một câu Phật hiệu niệm đến cùng y như lão Hòa thượng Hải Hiền vậy. “*Đại triệt đại ngộ, Minh tâm kiến tánh*”, tôi xem vị lão nhân này, thấy được trên chiếc đĩa. Vào lúc nào thì Ngài đạt tới cảnh giới này? Đại khái vào khoảng 40 tuổi, là Ngài đã “*Đại triệt đại ngộ*”, vạn duyên buông xả. Khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, toàn bộ đều buông bỏ. Cả đời này không bị trôi qua vô ích, quá viên mãn rồi.

Biểu pháp sau cùng có ý nghĩa gì? Là để cứu Tịnh Tông, cứu đồng học Tịnh Độ, vì sao vậy? Vì hiện nay nội bộ Tịnh Tông rất ồn ào, phê bình lẫn nhau, chứ không phải tán thán nhau. Đây là gì? Đây chính là hiện tượng Phật Pháp muốn tuyệt diệt rồi; nội bộ tranh cãi, chẳng còn ai hòa hợp nữa; Tam quy, Ngũ giới, Thập thiện thảy đều chẳng còn. Đại chúng trong xã hội nhìn thấy cả rồi, người học Phật các anh đều biến thành như vậy, còn không bằng người tại gia. Họ sẽ thế nào? Sẽ thối tâm, không muốn học nữa.

Sách cổ của Tịnh Tông, mọi người phê bình, hủy báng nhau như thế, khiến mọi người chẳng còn tin vào kinh điển. Anh thì nói: “*Đây là thật, kia là giả*”; người kia lại bảo: “*Đây mới thật, kia là giả*”. Vậy rốt cuộc ai thật, ai giả? Bỏ đi, vậy tôi chẳng coi, chẳng học nữa; về nhà lão thật niệm Phật vậy, cũng sẽ có thành tựu thôi! Ngài Hải Hiền đã làm ra tấm gương cho tôi xem, kinh giáo gì cũng không cần. Mấy người tranh là chuyện của mấy người, mấy người làm loạn cũng là chuyện của mấy người. Tôi không tham gia, tôi xin rút lui hoàn toàn.

Lão Hòa thượng một câu Phật hiệu, niệm đến cùng. Thật sự có thể niệm đến công phu thành phiến, niệm đến Sự nhất tâm bất loạn, Lý nhất tâm bất loạn; có thể niệm được A Di Đà Phật xuất hiện. Bạn mà thấy được A Di Đà Phật, tín tâm sẽ trọn đủ, sẽ không còn nghi ngờ này nọ. Cổ đại đức đã cảnh báo chúng ta về “***Tam học hưng vong***”. Trước đây, tôi từng nói qua với mọi người: “*Muốn Phật Pháp hưng*”, chúng ta phải tán thán nhau, học tập nhau; đó là dấu hiệu của sự hưng vượng. Còn nếu phỉ báng lẫn nhau, trong “Bồ Tát giới kinh” có nói: “**Khen mình**, **chê người**”, mình khen mình, chê bai người khác. Đây là phạm vào đại giới, phạm vào giới trọng. Hình như mọi người đã không còn tin vào giới luật, cũng chẳng màng đến giới luật. Nếu giới luật không còn trói buộc nổi người xuất gia, tức là Phật Pháp sắp diệt rồi. Cho nên, chúng ta phải đi con đường của giác ngộ, đi con đường của Phật, phải tự giác! Hải Hiền lão Hòa thượng là người tự giác. Tự giác, nhìn thấy cái gì cũng tốt. Cả đời chưa hề nổi cơn nóng giận, cả đời chưa hề phê bình người. Người khác làm sai, hãy tha thứ cho họ, đừng để trong tâm, đừng tính toán với họ.

Trong chiếc đĩa có một câu chuyện: lão Hòa thượng đi thăm cánh đồng ngô, đúng lúc gặp phải một nông dân đang ăn trộm ngô của Ngài. Chẳng may lần này bị lão Hòa thượng bắt gặp, người thanh niên này rất bối rối, không biết phải làm sao. Lão Hòa thượng nhẹ nhàng an ủi anh ta:

- “*Không sao đâu*, *anh cứ chọn trái nào lớn mà hái*”.

Bạn xem xem, Ngài liền xoay người bỏ đi. Người thanh niên này, từ đó về sau khâm phục lão Hòa Thượng đến năm vóc sát đất. Ngài không có đòi lại bắp mà bạn hái, cũng không mắng bạn một trận; đều không phải mà là tặng cho bạn, bạn thích thì cứ chọn trái lớn mà hái. Tâm lượng to lớn biết bao! Khiến người ta vĩnh viễn giữ lấy cái tâm biết ơn, cái tâm phải mang ơn huệ. Về sau sẽ không dám ăn trộm nữa, nếu cần cứ đến xin lão Hòa thượng; Ngài sẽ bảo bạn: “*Anh cứ hái đi*”. Đúng rồi! Đây mới thật là “buông xả”.

Ngài trồng hơn 100 mẫu đất, bản thân làm gì ăn nhiều đến thế! Cái miếu nhỏ chỉ có năm người, hầu như đều đem cúng dường cho đại chúng, đem chia hết cho mọi người. Điều này phải biết. Vì thế mang ơn huệ của Ngài có hàng ngàn hàng vạn người. “Tài bố thí, pháp bố thí, vô úy bố thí”, ba loại bố thí Ngài đều làm được. Lão Hòa thượng ngày ngày sanh tâm hoan hỷ, thường sanh tâm hoan hỷ, thế chẳng phải thích lắm sao! Cho nên, cuộc sống của Ngài chẳng khác gì Thế Giới Cực Lạc. Thế Giới Cực Lạc ở đâu? Chính ngay chỗ này. “**Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh**”, “**Cảnh tùy tâm chuyển**”, điều này đức Phật đã giảng rất rõ ràng, rất minh bạch. Vì thế, chính bạn là A La Hán, là Bồ Tát, là Phật. Tuyệt đối phải nhớ kỹ, học Phật nhất định phải thành Phật mới được. Chúng ta không thể thành Phật là do phiền não, tập khí, nghiệp chướng quá nặng. Nhất tâm chuyên niệm “A Di Đà Phật”, liền có thể vãng sanh thành Phật. Đây là việc mà người người đều làm được. Từ nay về sau, đừng bao giờ tính toán với người; phải học theo lão Hòa thượng, nhìn thấy người nào cũng là người tốt, chuyện nào cũng là chuyện tốt. Người ăn trộm bắp Ngài trồng cũng là người tốt, làm chuyện gì cũng là chuyện tốt. Đây mới chân thật là giáo hóa chúng sanh. Người học Phật nếu có tâm lượng lớn, chắc chắn sẽ giúp mọi người, chịu bố thí. Chữ “Giác” ở chỗ này ý chỉ cho “Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật”.

Chúng ta xem Chú giải của Niệm lão, trong phần Chú giải này, Niệm lão nói rất cặn kẽ “**Chữ đầu của tựa kinh là Phật**”, Phật là tiếng gọi tắt của chữ Phạn. “**Phật Đà**”, tức là Phật Đà gia, người Trung Quốc thích sự đơn giản, nên lược bỏ mất phần âm đuôi, chỉ gọi một chữ Phật mà thôi. “**Nghĩa là người giác ngộ**”, có nghĩa là giác; “**Giác là đối với mê mà nói**, **mê là chúng sanh**; **ba điều giác ngộ trọn vẹn**”. Ba điều giác ngộ chính là: tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn; người như vậy liền được gọi là Phật.

“**Ba điều giác ngộ là**: **tự giác**, **giác tha và giác mãn**, **ba giác viên mãn gọi là Phật Đà**; **Vì vậy**, **Phật là chúng sanh viên mãn trọn cả ba giác**; **chúng sanh là Phật chưa giác ngộ**”, Phật với chúng sanh là một không phải 2; đức Phật với chúng sanh đều bình đẳng, vậy vì sao gọi là Phật Đà? Vì đó là chúng sanh đã giác ngộ rồi. Thế tại sao gọi là chúng sanh? Vì vẫn chưa giác ngộ thì gọi là chúng sanh, giác ngộ rồi thì gọi là Phật, nhưng là một không phải hai. Phật giúp cho tất cả chúng sanh giác ngộ, “**Mỗi người vốn dĩ đều là Phật**”, đây là nền giáo dục Phật Đà. “**Thêm nữa**, **Phật là một trong mười hiệu**”, kinh Đại Thừa có nói: Phật, Bồ Tát không hề có danh hiệu, vì sao lại thế? Vì họ đã không còn phân biệt, không còn chấp trước, không còn khởi tâm động niệm, thì lấy đâu ra danh hiệu! Danh hiệu là giả. Thật vậy, Phật, Bồ Tát không hề có danh hiệu, A La Hán có thể có danh hiệu. Còn Phật, Bồ Tát thì không, danh hiệu đại diện cho đức độ của các ngài, danh hiệu của Phật đại biểu cho quả đức, tức là tánh đức; chính là đức năng vốn có trong tự tánh. Danh hiệu Bồ Tát là tu đức, đích thực các ngài đang tu hành. Đức hiệu đều nhằm hiển thị; trí huệ, đức tướng vốn có trong tự tánh mà thôi.

Chúng ta biết rằng: Phật, Bồ Tát, A La Hán đều là bậc Thánh Nhân. “Thánh” ý chỉ cho giác ngộ, chân thật giác ngộ. Chân thật buông bỏ cái thân này, không còn chấp trước thân này là ta, cũng không còn đối lập. Thật sự khẳng định biến Pháp giới Hư không giới, hết thảy vạn pháp cùng chính mình là một thể, tất cả mọi thứ với mình là một thể; đã là một thể thì làm gì có phân biệt; một thể nhưng tướng có sự khác nhau. Chẳng hạn lấy cái thân của chúng ta là có thể thấy được, hình dạng của mắt và tai khác nhau; tác dụng cũng không giống, nhưng nó là một thể. Một thể thì không thể có sự phân biệt, lưỡi với răng là một thể nhưng tướng chẳng giống.

Có bao giờ bạn bị răng cắn vào lưỡi chưa? Có xảy ra chuyện như vậy chưa? Rất nhiều người đều bị chuyện này. Bạn hỏi tôi, thật tình tôi cũng có, không chỉ một lần; không cẩn thận nên răng cắn vào lưỡi. Thế nhưng lưỡi có kháng nghị không? Có bao giờ muốn tính sổ với răng không? Không hề có, vì sao vậy? Vì chúng là một thể.

Lão Hòa thượng Hải Hiền bị người khác chỉ trích một cách oan uổng. Người thu tiền điện còn đánh Ngài hai bạt tai, nhổ nước bọt vào mặt Ngài. Thế Ngài có oán hận không? Không hề. Người khác thấy vậy nên bất bình, lão Hòa thượng bảo, Ngài có thể nhẫn được chẳng sao cả. Người biết nhẫn, tâm tự an. Lão Hòa thượng biết, tất cả chúng sanh với chính mình là một thể. Chẳng luận dùng thái độ tồi tệ thế nào đối với Ngài, Ngài cũng không bao giờ nổi giận, không bao giờ ghim gút ở trong lòng, không hề oán hận. Nhất là vào thời đại hiện nay, trong kinh Vô Lượng Thọ Phật thường khuyên chúng ta.

Người làm chuyện sai trái đặc biệt là làm ra những việc có lỗi với mình, nhất định phải biết, vì do tổ tiên của họ là một kẻ vô tri “**Bất thức đạo đức**, **vô hữu ngữ giả**”. Chẳng có người dạy họ, nên họ mới phạm phải sai lầm như thế. Nên tha thứ cho họ, không nên ghi hận trong lòng; như thế mới đúng. Phật là một trong mười hiệu:

- Thứ nhất là “**Như Lai**”, Như Lai có ý nghĩa rất sâu. Trong kinh Kim Cang bảo rằng: “**Như** **Lai giả**, **chư pháp như nghĩa**”, “Chư pháp” ý là hết thảy pháp, hết thảy vạn pháp. “Như nghĩa” là gì? Là chân như. Tất cả pháp, có pháp nào không phải là chân như chứ! Chư pháp như nghĩa, phải biết rằng “chư pháp như nghĩa”, các pháp là bình đẳng, không có cao thấp. Trên mặt sự mà nói, trong Phật Pháp có giải thích: “**Như** **Lai giả**, **kim Phật như cổ Phật chi tái lai**”. Từ trên sự mà nói, chúng ta tôn trọng cổ Phật. Đối với vị Phật hiện tại, cũng phải tôn trọng y như cổ Phật vậy. Không được có sự phân biệt.

- Thứ hai là “**Ứng cúng**”, ứng cúng là gì? Nghĩa là xứng đáng để nhận lãnh sự cúng dường. Vì sao vậy? Vì Phật là mảnh ruộng phước Vô Thượng, cúng dường cho Phật là đại phước báu. Đây là phước điền chân thật, phước điền Vô Thượng. Bạn muốn tu phước, bạn phải nên cúng dường Phật. Vì lẽ đó, chư Bồ Tát có hai việc các ngài thích nhất: một là cúng Phật, một là nghe pháp. “Cúng Phật” nhằm tăng trưởng phước huệ, “Nghe pháp” nhằm tăng trí huệ; bạn xem, phước huệ song tu. Bồ Tát biểu pháp, Bồ Tát làm tấm gương cho chúng ta. Thế nên chúng ta nếu muốn bản thân mình có nhiều phước nhiều trí huệ, bạn phải biết cúng dường. Tài cúng dường nhằm tu tài phú; pháp cúng dường để có được thông minh trí huệ; vô úy cúng dường để được khỏe mạnh sống lâu. Ba việc này ai cũng cần và ai cũng muốn có. Vậy bạn hãy liều mình tu, hãy làm thật.

Cúng Phật là phước điền, cũng cần phải chăm lo cho người nghèo khổ, chăm lo cho người khuyết tật với kẻ ngờ nghệch. Khi thấy người ta trong cảnh khổ nạn, chỉ cần nhìn thấy thì phải tận tâm tận lực giúp cho họ. Như vậy mới đúng! Đây là điều chúng ta nên làm vì sao? Vì những người này với ta cùng một thể. Những người này chẳng phải ai khác, họ vốn dĩ là Phật. Trong sự cúng dường này phải có tâm cung kính, không dám xem thường, coi khinh họ. Như vậy phước báu này càng lớn hơn, chúng ta hoàn toàn bình đẳng về mặt địa vị.

- Thứ ba là “**Chánh biến tri**”, đây là trí huệ trong tự tánh hiện tiền, trí huệ vốn có trong tự tánh. “biến”, tức là không gì không biết; chữ “Tri” này tức là biết chính xác, không có nhầm lẫn. Không phải thiên kiến; không phải tà kiến mà là “**Chánh tri chánh kiến**”, không gì không biết, không gì không thể. Lúc nào thì “Trí huệ” này xuất hiện? Lúc “Minh tâm kiến tánh, Đại triệt đại ngộ”, trí huệ này sẽ xuất hiện.

- Thứ tư là “**Minh hạnh túc**”, “Minh” là trí huệ, “Hạnh” là hành vi, hành vi bao gồm cả khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, việc làm. “Túc” nghĩa là viên mãn, trí huệ viên mãn, đức hạnh viên mãn. Đây là sự tán thán trí huệ, đức hạnh đều đạt đến viên mãn của Phật. “Túc” tức là viên mãn, đầy đủ cả rồi!

- Thứ năm là “**Thiện thệ**”. Hai chữ “Thiện thệ” này có ý nghĩa rất sâu, cũng tuyệt diệu vô cùng. “Thiện” là chỉ cho sự tốt đẹp đến tột bậc. Chẳng luận là suy nghĩ, lời nói hay hành vi của Ngài, đều hiển thị sự giáo hóa chúng sanh. “Thiện”, người Trung Quốc bảo là “**Chỉ ư chí thiện**”. “Thệ” thì có ý nghĩa gì? Là chẳng nhiễm mảy trần, cũng tức là nói “Thiện tâm, thiện hạnh” của Ngài. Hoàn toàn là từ tự tánh lưu xuất ra, trong đó chắc chắn không kèm theo vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vọng tưởng, phân biệt toàn bộ đều không có thì gọi là “Thệ”. Trong Đại Thừa giáo thường nói: “**Không làm mà làm**, **làm mà không làm**”, không làm là thệ, làm là thiện. Ngài có làm không? Có, tuy làm nhưng lại chẳng nhiễm mảy trần. Tâm không hề khởi tâm động niệm, đó được xem như không làm. Không làm nhưng lại thật làm, làm chẳng hề khác biệt với không làm. Cảnh giới này cao, gọi là “Không chấp tướng”.

- Thứ sáu là “**Thế gian giải**”, việc của thế gian, của sáu nẻo và mười Pháp giới Ngài đều biết. Quá khứ, hiện tại, vị lai, những thứ này khoa học đều không thừa nhận. Khoa học bảo rằng, những lời này đều là lời ca tụng, chúng không phải thật. Thế gian làm gì có kiểu người này? Không tin tưởng, chính là tinh thần của khoa học, nhất định phải đem chứng cứ ra, không có chứng cứ họ sẽ không chấp nhận. Phật giáo có chứng cứ không? Có, nhưng chứng cứ này bạn lấy không được. Chứng cứ là gì? Là Thiền Định. Bạn không nhập định, bạn làm sao biết được cảnh giới trong định chứ? Hơn nữa, tầng thứ của Thiền Định sâu rộng vô bờ bến. Trong kinh Hoa Nghiêm sắp xếp thứ tự cấp bậc thành 52 cấp, Bồ Tát có 52 đẳng cấp. Đây chính là mức độ định công sâu cạn không đồng. Từ Sơ Tín, Nhị Tín, Tam Tín, đến Đẳng Giác, Diệu Giác, rồi tới Diệu Giác viên mãn, tổng cộng có 52 giai cấp: Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, lên trên nữa là Đẳng Giác, Diệu Giác. Nói rõ ra mức độ định công cạn sâu. Có 52 đẳng cấp, thật sự có được sự nhận biết rõ ràng.

Đối với trí huệ, đức năng, thần thông, tướng hảo của Phật, là người thuộc đẳng cấp nào? Trên kinh Đại Thừa thường nói là: “**Từ Bát Địa trở lên**”. Đó là định công như thế nào? Giống như đi học vậy, có 52 lớp, họ thuộc vào năm lớp cao nhất: có Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác và Diệu Giác. Người ở vào năm đẳng cấp cao nhất này đều biết tất cả, không gì mà họ không biết. Bạn chưa đạt đến trình độ này, bạn làm sao biết được chứ! Những gì Phật giáo nói đến thật sự có căn cứ. Nhưng những căn cứ này, bạn không thể đủ sức lý giải nổi, vì bây giờ bạn là phàm phu mê hoặc điên đảo. Có nói với bạn những thứ này, bạn cũng không tin, không chịu thừa nhận.

- Thứ bảy là “**Vô** **Thượng sĩ**”, “Sĩ” là chỉ cho người đi học, chính là nói đến phần tử tri thức hiện nay. Vào thời xưa, thì nói đến người đọc sách Thánh hiền, những người này gọi là “Sĩ”. Trong số những người đọc sách Thánh hiền, Phật là người có trình độ chí cao Vô Thượng.

Thứ tám là “**Điều ngự trượng phu**”, “Điều” là điều hòa, điều thuận, điều phối chúng sanh, điều tiết. “Ngự” nghĩa là thống lĩnh, duy nhất chỉ có Phật mới có được trí huệ và khả năng này. Điều ngự được chúng sanh của mười Pháp giới, đây là đức hiệu của Phật.

- Thứ chín là “**Thiên nhân sư**”, “Thiên” ý chỉ cho 28 tầng trời trong sáu nẻo; “Nhân” là cõi Người. Phía sau còn có tu la, Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục. Phật là bậc lão sư của chúng sanh nơi Lục đạo, có thể giúp cho chúng sanh trong sáu nẻo có thể thoát khỏi sanh tử luân hồi.

- Thứ mười, Đức hiệu sau cùng gọi là “**Phật**”.

Đầy đủ mười hiệu thì được đời tôn trọng nên gọi là “Thế Tôn”. Mười hiệu chính là mười loại tánh đức, mười loại đại đức trong phần kinh văn bên dưới sẽ nói tỉ mỉ hơn. Ở đây chỉ là giải thích sơ lược một chút mà thôi, vì được mọi người thế gian tôn sùng. “Tôn” ý là được tôn trọng, được mọi người nương dựa vào để học tập. Chúng ta học tập là nương vào ai? Phải nương vào Phật. Phật là lão sư của chúng ta, nên mới gọi Ngài là Thế Tôn. Thế gian không có gì tôn quý hơn Ngài, cũng chẳng có gì được mọi người tôn trọng hơn Ngài. Nhắc đến sự tôn trong ở cuộc đời này, đầu tiên sẽ nghĩ ngay đến “Phật”.

Giải thích cặn kẽ mười hiệu này, nằm trong phẩm thứ tư dưới đây: “**Trên đây đã chỉ ra Phật là danh hiệu chung của bậc cực thánh**”, nghĩa là trong hàng Thánh Nhân, Phật là người đã đạt đến cứu cánh viên mãn. Người đạt đến cảnh giới cao nhất thì được gọi là “Phật Đà”. Cho nên Phật Đà ở Ấn Độ, khi Đạo Phật được truyền vào Trung Quốc, phiên dịch kinh điển không có dịch từ này thành “Thánh Nhân”, hàm nghĩa trong từ “Thánh Nhân” của Trung Quốc. Nếu không có Phật sẽ không giảng được trọn vẹn, thấu triệt đến như vậy; nên giữa “Phật” và “Thánh Nhân” thật ra cách nhau rất gần. Nhưng “Thánh Nhân” thì không chứa đựng được ý nghĩa viên mãn của từ “Phật Đà”, không cách gì trọn vẹn được. Do đó, dùng âm dịch để giải thích, “**Xét trong kinh này**”, tức là nói trong phạm vi bộ kinh này. “**Chữ Phật trong tựa kinh là đức Ta Bà giáo chủ**”, “Ta Bà” là tiếng Phạn. Ý chỉ cho thế giới này, chứ không phải chỉ có Quả địa cầu, là một cái đại thế giới. Hiện nay chúng ta nói là “Thái Dương hệ”, có quan hệ vô cùng chặt chẽ với trái đất này. Trái đất chính là một ngôi sao trong Thái Dương hệ, Thái Dương hệ lại là một tinh hệ trong hệ Ngân Hà. Đức Phật dạy rằng: “**Phạm vi giáo hóa của một vị Phật là một cái Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới**”.

Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới bao lớn? Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói với tôi, Ngài bảo: “***Trên kinh Phật nói đến đơn vị thế giới*, *gọi là một Tứ Thiên hạ*; *không phải chỉ cho Địa cầu này*, *là lấy núi Tu Di làm trung tâm*. *Mặt trăng*, *mặt trời đều quay xung quanh núi Tu Di*. *Trong kinh điển có nói như vậy***”. Vì thế, núi Tu Di không phải là dãy Hy Mã Lạp Sơn. Núi Tu Di không nằm trong trái đất, vậy nó ở đâu? Có lẽ nó là trung tâm của hệ Ngân Hà. Nói như vậy thì đúng, quả thật Thái Dương hệ chuyển động xung quanh hệ Ngân Hà. Hay nói cách khác, một hệ Ngân Hà mới là một đơn vị thế giới được nói trong kinh Phật.

Chúng ta biết rằng, một ngàn cái hệ Ngân Hà được xem là một tinh hệ lớn, một ngàn cái hệ Ngân Hà tập hợp thành cái tinh hệ này, nó được gọi là một Tiểu thiên thế giới. Lại lấy một Tiểu thiên thế giới làm đơn vị, một ngàn cái Tiểu thiên thế giới làm thành một cái tinh hệ càng lớn hơn, gọi là trung thiên thế giới. Lại lấy một ngàn cái trung thiên thế giới làm đơn vị, nó sẽ thành một đại tinh hệ, đây được gọi là đại thiên thế giới. Vì thế, một cái đại thiên thế giới có một ngàn cái trung thiên thế giới, cứ như vậy mà tính. Khu vực giáo hóa của Phật Thích Ca, chính là một cái đại thiên thế giới. Do đó, nó có ba cái một ngàn, rồi có đại thiên, trung thiên, tiểu thiên, gọi là Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới. Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới có bao nhiêu cái hệ Ngân Hà trong đó? Có một tỷ cái hệ Ngân Hà, đây là giáo khu của Phật Thích Ca Mâu Ni.

Trong kinh Phật có nói, trong một cái đại thiên thế giới có một vị Phật đang ở nơi đó giáo hóa chúng sanh. Phật Thích Ca Mâu Ni đã nhập diệt chưa? Chưa hề. Ngài không còn ở cõi này, nhưng Ngài lại ra đời vào một thế giới khác. Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới, trong mỗi một thế giới đều có hóa thân và ứng hóa thân của Phật Thích Ca. 3.000 năm trước, Ngài xuất hiện ở trái đất này, đây là ứng hóa thân của Phật Thích Ca. Ngài dùng Thân Phật để xuất hiện, Ngài có thể xuất hiện với nhiều loại thân phận khác nhau, giống như 32 ứng thân được nói trong phẩm Phổ Môn. Nên dùng thân gì xuất hiện, Ngài liền hiện thân đó; phải nên hiểu cái ý này. Vậy Phật có đang ở thế gian này không? Có, nhưng chúng ta không biết.

Trong lịch sử có ghi chép, ngài Vĩnh Minh Diên Thọ là do A Di Đà Phật tái lai; Thiện Đạo đại sư cũng là A Di Đà Phật tái lai; Trí Giả đại sư là Phật Thích Ca Mâu Ni tái lai. Dùng những thân phận không đồng, xem căn tánh của chúng sanh nên dùng thân gì để độ, các ngài liền hiện thân đó. Nên dùng cách gì để giáo hóa chúng sanh, Ngài liền dùng cách đó. Phật không có một định pháp nào để thuyết cả, Phật có thể đồng thời hóa vô lượng vô biên thân. Việc này đến phần kinh văn ở phía sau sẽ báo cáo tường tận với mọi người.

Một vị Phật có một khu vực giáo hóa riêng của Ngài, ngoại trừ giáo khu của mình ra. Trong giáo khu của vị Phật khác trong những thế giới khác, có những người có duyên đặc biệt đối với Ngài, Ngài cũng có thể dùng Thân Phật khác để giúp cho những người đó. Giữa các vị Phật với nhau là bình đẳng, không có chướng ngại, không có đố kỵ. Đây là giáo khu của tôi, Ngài không được phép đến, không có hiện tượng này. Tất cả chư Phật đến thị hiện, Phật đều hoan hỷ. “**Phật Phật đạo đồng**”, đây là điều chúng ta phải học theo đức Phật. Chư Phật đều là người một nhà, không những là người một nhà mà chư Phật đều có cùng một tự tánh, là một thể. Các ngài làm sao có sự phân chia được chứ!

“**Xét trong kinh này**, **chữ Phật trong tựa kinh là đức Ta Bà giáo chủ**”, Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, ý nghĩa của chữ này nhất định phải hiểu. “**Trung Hoa dịch**”, nghĩa là dịch thành ý nghĩa Trung Quốc. Thích Ca, dịch là “**Năng nhân tịch mặc**”, *năng nhân* là dụng, *tịch mặc* là thể. “Cứu cánh cực quả, thừa đại nguyện thuyền”, sanh đời Ngũ trược, thị hiện thành Phật để hóa độ chúng ta. Diễn thuyết kinh này, chính là bậc từ phụ đại ân đại đức của hết thảy chúng sanh; là bậc đạo sư không pháp nào chẳng biết, không pháp nào chẳng thấy; là đấng Thích Tôn Đại giác viên mãn. Đây là nói sơ lược ý nghĩa của từ “Phật” trong kinh điển.

Hôm nay thời gian tới rồi, chúng ta học đến chỗ này.

**A Di Đà Phật.**

**NHẤT MÔN THÂM NHẬP-TRƯỜNG KỲ HUÂN TU**

**LÃO THẬT NIỆM PHẬT**

**BUÔNG XẢ VẠN DUYÊN**

**NHẤT TÂM NIỆM PHẬT-CẦU SANH TỊNH ĐỘ**

**THÀNH THẬT- NGHE LỜI – THẬT LÀM**

***XIN THƯỜNG NIỆM***

**A DI ĐÀ PHẬT-A DI ĐÀ PHẬT-A DI ĐÀ PHẬT**

